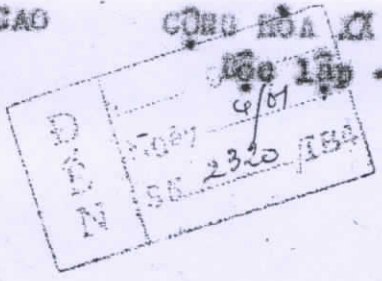


TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA HÌNH SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Bản án sơ chung thẩm
Số : 01/NS-SCT
ngày 28-11-1988
Thủ lý số 01/SCT
ngày 01-9-1988

NGÂN DÀNH

Vụ Hoàng Cơ Minh và d/b
"Phản bội Tổ quốc và hoạt
động phi "

HOẶC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA HÌNH SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

855/PT

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Tuấn Sĩ, Thẩm Phán TANDTC;
- Các hội thẩm nhân dân :
 - Ông Viên Phương (tức Phan Thanh Viên) Ủy viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học văn nghệ thuật TP. Hồ Chí Minh Hội thẩm nhân dân TAND Tối cao;
 - Bà Võ thị Thống Ủy viên đoàn Chủ tịch Trung ương - Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam Hội thẩm nhân dân TAND Tối cao;
- Đại diện VKSND Tối cao tham dự phiên tòa có ông : Phạm Phó, Kiểm sát viên cao cấp VKSNDTC;
- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn thị Thu Ngọc cán bộ TAND Tối cao ;

Bản mở phiên tòa công khai từ ngày 28 tháng 11 năm 1988 tại trụ sở Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm về hình sự vụ án Hoàng cơ Minh và đồng bọn gồm các bị cáo sau đây :

1) KIM MỸ sinh ngày 7-3-1963 sinh quán tại Trại Tôn, Bấy Núi tỉnh An Giang - Trú quán : xã Trại Tôn - Huyện

Bảy núi tỉnh An Giang - Quốc tịch Việt nam - Dân tộc :
Khmer - Tôn giáo : đạo Phật - Văn hoá : lớp 5/12 - chức
vụ trong tổ chức của địch : dân đoàn phó - Con ông : Kim
Sa và bà Kim thị Lan - Bị bắt ngày 26-8-1987. Vẫn mặt
tại phiên tòa (bị cáo yêu cầu xử vắng mặt vì bị mắc bệnh).

2) HÀNH KHUON HUNG (tức Bạch Đầm) sinh ngày 7-2-
1960, sinh quán Sài Gòn - Trú quán : số 87 Nguyễn Kim phường
19 quận 10 TP.HCM - Quốc tịch : Việt nam - Dân tộc : Kinh -
Tôn giáo : không - Văn hoá : lớp 7/12 - Cha : không biết,
mẹ : Bạch thị Kim Ngọc - Nghề nghiệp : buôn bán - chức vụ
trong tổ chức của địch : Toán trưởng - Bị bắt ngày 30-8-
1987 - Có mặt tại phiên tòa.

3) NGUYỄN PHONG sinh ngày 5-12-1964 tại Sài Gòn -
Trú quán : số 2 công trường Tự do, P. 19 quận Bình Thạnh
TP. Hồ Chí Minh - Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh -
Tôn giáo : Thiên chúa giáo - Văn hoá : lớp 7/12 - Nghề
nghiệp : dạy kịch lễ - Tiền sự : bộ đội áo ngũ - Con ông :
Nguyễn Phương và bà Hồ thị Duyên - Chức vụ trong tổ chức
của địch : Toán trưởng - Bị bắt ngày 3-8-1987 - Có mặt tại
phiên tòa.

4) PHAN NGOC MINH (tức Cảnh) sinh năm 1966 tại
Rạch Giá, Kiên Giang - Trú tại : 148 Tôn quang Huy, xóm
Cánh Màng, phường Vĩnh Thanh, thị xã Rạch Giá tỉnh Kiên
Giang - Quốc tịch : Việt nam - Dân tộc : Kinh - Tôn giáo :
đạo Phật - Văn hoá : lớp 6/12 - Nghề nghiệp : bộ đội áo
ngũ - Con ông : Phạm Văn Ba và bà Dương thị Bưởi - Bị
bắt ngày 28-8-1987 - Bị tạm giam 7-10-1987 - Có mặt tại
phiên tòa.

5) NGO VAN GANG (Nguyễn Văn Gang) sinh năm 1961,
tại Rạch Dưng Bình An huyện Hà Tiên tỉnh Kiên Giang - Trú
quán : ấp Rạch Dưng, xã Bình An, huyện Hà Tiên tỉnh Kiên
Giang - Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh - Tôn giáo :
Thiên chúa giáo - Văn hoá : biết đọc, biết viết - Nghề
nghiệp : không - Bị bắt ngày 12-3-87 - Con ông : Ngô Văn
Tất (c) bà : Nguyễn thị Kiều - Có mặt tại phiên tòa.

6) PHONG VAN HOC sinh năm 1945 tại huyện Sơn Hải
Sơn Hòn Đất, Kiên Giang - Trú tại : ấp Huỳnh Sơn, xã Hải
Sơn, huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang - Quốc tịch : Việt Nam -

Dân tộc : kinh - Tôn giáo : Phật - Nghề nghiệp : thợ rèn -
Văn hoá : biết đọc, biết viết - Con ông : Phùng ích Mục và
bà Huỳnh thị Bích - Có vợ 6 con (21t, 7tuổi) - Chức vụ
trong tổ chức của địch : toàn trưởng - Bị bắt ngày 15-3-
1987 - Có mặt tại phiên tòa.


7) CAO HOANG DUNG (tức Trương Hùng Dũng) sinh ngày
12-4-1960 tại tỉnh Tiền Giang - Trú quán : 88 Lê thị hồng
Gấm, khóm 8, phường 9, TP. Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang - Quốc
tịch : Việt Nam - Dân tộc : kinh - Tôn giáo : không - Văn
hoá : lớp 10/12 - Nghề nghiệp : cán bộ phòng thuế nông nghiệp
sở tài chính tỉnh Tiền Giang - Chức vụ trong tổ chức địch :
Toán viên - Con ông : Toàn Văn Lữ và bà : Cao thị si si -
Bị bắt ngày 26-3-1987 - Có mặt tại phiên tòa.

8) LÊ THANH GIEM sinh ngày 10-3-1965 tại huyện Giá
Bai tỉnh Minh Hải - Trú quán : ấp 1 xã Thanh Bình, huyện
Giá Rai tỉnh Minh Hải - Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc :
Kinh - Tôn giáo : đạo Phật - Văn hoá : lớp 5/12 - Con ông :
Lê Văn Đạo và bà Ngô kim Anh - chức vụ trong tổ chức của
địch : Toán viên - Bị bắt ngày 3-3-1987 - Có mặt tại phiên
tòa.

9) TRẦN VĂN TÂM sinh năm 1961 tại huyện Thốt Nốt
tỉnh Hậu Giang - Trú quán : 15/7 ấp Bình Thọ 1, xã Trung
Thốt, huyện Thốt Nốt tỉnh Hậu Giang - Quốc tịch : Việt
Nam - Dân tộc : kinh - Tôn giáo : không - Văn hoá : lớp
7/12 - Nghề nghiệp : tạp xích lợ - Con ông : Trần tấn Xuyên
và bà Bình thị Ba - Bị bắt ngày 21-3-1987 - Có mặt tại
phiên tòa.

10) NGUYỄN VĂN ỨT sinh ngày 4-10-1960 tại TP. Cần
Thơ tỉnh Hậu Giang - Trú quán : 7/3 tổ 3, ấp 3, Hưng Thạnh,
Cần Thơ tỉnh Hậu Giang - Quốc tịch VN - Dân tộc : kinh -
Tôn giáo : không - Văn hoá : lớp 5/12 - Nghề nghiệp : làm
rộng - Con ông : Nguyễn Văn Nhân (c) và bà : Huỳnh thị
Túc (tức Tư) - Bị bắt ngày 22-3-1987 - Có mặt tại phiên tòa.

11) LÊ HÒA THUẬN sinh ngày 13-5-1962 tại Sài Gòn -
Trú quán : 176 Tô Hiến Thành, P. 24 quận 10 TP. HCM - Quốc
tịch : Việt Nam - Dân tộc : kinh - Văn hoá : lớp 9/12 -
Nghề nghiệp : không - Con ông : Lê Văn Trình và bà : Nguyễn
thị Sợi - Bị bắt ngày 24-3-1987 - Có mặt tại phiên tòa.



12) LÝ VĂN NGHỊ sinh năm 1955 tại Kampuchia - Trú quán : ấp Phú Thạnh, xã Tam Sông tỉnh Đồng Tháp - Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : kinh x. Văn hoá : lớp 8/12 ở Kampuchia - Nghề nghiệp : làm ruộng và đánh bắt cá - Con ông : Lý Văn Hùng và bà : Nguyễn Thị Huệ được chôn vùi trong tổ chức địch ; Hoàn trưởng - Bị bắt ngày 12-9-1986 - Có mặt tại phiên tòa.

Theo cáo trạng số 141/KS-VT-MK ngày 10-8-1988 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các bị cáo đều bị truy tố : tội "phản bội tổ quốc và hoạt động phi" . Căn cứ điều 73, điều 77 Bộ luật hình sự nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua Quốc hội ngày 27-6-1985.

Bảo chữa viên : có ông Nguyễn Văn Trung bảo chữa cho các bị cáo : Lê Hoà Thuận, Bình người Hùng và Nguyễn Phong.

TÒA HÌNH SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Nhiệm xét về vụ án :

Sau chiến thắng lịch sử của quân dân ta mùa xuân 1975, Hoàng cơ Minh, nguyên Phó đề đốc Hải quân ngụy quyền Sài Gòn, có nhiều nợ máu với nhân dân ta, đã theo quan thầy chạy sang Mỹ. Với bản chất phản động tay sai đế quốc, năm 1973, Minh đã tìm gặp một số tên phản động lưu vong cực đoan, như Đặng Quốc Hiền, Dương Văn Tử, Nguyễn Kim v.v... nguyên là sĩ quan ngụy, để bàn nhau dựng lên tổ chức phản cách mạng, chống lại cách mạng Việt Nam.

Ngày 30-4-1980, tại miền Nam bang California, được bọn phản động hiếu chiến Mỹ ủng hộ, Hoàng cơ Minh và đồng bọn, đã lập ra những cái gọi là "Mặt trận quốc gia thống nhất giải phóng Việt Nam", "Việt Nam cảnh tấn cách mạng Đảng" gọi tắt là "Đảng Việt Tân". Minh tự phong là Chủ tịch mặt trận và chủ tịch đảng.

Bọn chúng lấy cờ nền vàng có ba sọc đỏ của chế độ cũ làm cờ mặt trận ; lấy cờ nền xanh ở giữa có bông mai trắng nửa cánh làm cờ đảng. Bọn chúng còn dựng lên cái gọi là "Hội đồng kháng chiến toàn quốc" do Minh làm Chủ tịch. Đồng thời, bọn chúng thông qua nào là hiến chương và cương lĩnh của mặt trận chứa đựng những luận điệu tuyên truyền

xuyên tạc, để tập hợp những phần tử phản cách mạng cùng tham gia hoạt động lật đổ chính quyền nhân dân ta. Sinh và đồng bọn vạch kế hoạch chống lại nhà nước CHHCH Việt Nam, chia thành năm giai đoạn :

1) Từ 15-4-1975 đến 1980, là giai đoạn nhóm nhóm tổ chức phản cách mạng và tìm đường lối đấu tranh chống cách mạng Việt Nam.

2) Từ năm 1980 đến 1983, là giai đoạn Song Tiền, nhằm tuyển mộ người đi tổ chức, huấn luyện và đồng thời phát động phong trào chống đối cách mạng Việt Nam.

3) Từ 1984 đến 1987 là giai đoạn xây dựng hạ tầng cơ sở kháng chiến hạt nhân.

4) Từ năm 1987 đến 1990, là giai đoạn xây dựng vùng giải phóng tạm.

5) Đến năm 1991 là giai đoạn tăng tốc đẩy để lật đổ chính quyền nhân dân Việt Nam.

Trong giai đoạn một, ngoài việc tiến hành nhóm nhóm, dựng lên các tổ chức phản cách mạng và thông qua hiện chương cương lĩnh, bọn chúng còn đặt trụ sở tổng vụ hải ngoại trên đất Mỹ, in và phát hành tờ báo "Kháng chiến" nhằm tuyên truyền lừa bịp, xuyên tạc, nói xấu nhà nước CHHCH Việt Nam để gây thế thu hút nguồn tài trợ của nước Mỹ, các nước phương Tây và 1 số người Việt Nam ở nước ngoài như họ, cả tin. Sinh và đồng bọn đã quan hệ với một số người trong quân đội Mỹ, nghị sĩ Mỹ nói lên sự hỗ trợ của bọn phản động hiện chiến Mỹ đối với tổ chức của chúng.

Từ giai đoạn hai trở đi, hoạt động của Hoàng cơ Sinh và đồng bọn chủ yếu là ở Thái Lan. Chúng được bọn cực hữu trong giới cầm quyền Thái Lan cho xây dựng nhiều căn cứ và đặt đại phát thành tại quận Sunthe Kich, tỉnh Ubon, và đặt trụ sở tại Bangkok.

Trong khi đó, nhà cầm quyền Thái Lan đã lập ra các trại tập trung để bắt giam những người Việt Nam trốn

sang Thái Lan. Mặc dù chúng gọi đó là trại tỵ nạn, nhưng thực chất là những nhà tù trả hình với cách đối xử hết sức tàn tệ. Và đó cũng là nơi mà Hoàng cơ Minh chế tạo cũng với những tên trong Cục tình báo Thái Lan đến cùng thí đoạn lửa phính, dụ dỗ, hứa hẹn, mua chuộc hoặc dọa dẫm để lôi kéo người vào tổ chức.

Trong khuôn khổ này, bọn chúng đã tuyển mộ được khoảng 200 tên đưa vào căn cứ trên đất Thái Lan rồi đưa vào khuôn hiệu "Toàn dân quyết tâm kháng chiến", biến chế thành các cấp đơn vị như sau : Toàn đoàn có từ 3 đến 4 tốp, dân đoàn có từ 12 đến 14 tên; quyết đoàn có từ 40 đến 50 tên. Cụ thể, chúng đã tổ chức được 4 quyết đoàn mang các nhiệm hiệu 7624, 7625, 7626 và 7637 và mở các lớp huấn luyện về chính trị, quân sự cho bọn tuyển mộ được.

Cũng giai đoạn này, Hoàng cơ Minh đã đi các nước Mỹ, Úc, Nhật, Nam Triều Tiên để tranh thủ dư luận, vận động cho tổ chức bằng những luận điệu bịa đặt, bóp méo sự thật. Chúng rêu rao nào là đã thống hợp được 36 tổ chức trong nước Việt Nam ; nào là có khoảng 10.000 quân. Nhưng thực tế thì chúng hãy còn chôn chôn khoảng 200 tên trên đất Thái Lan. Song, do không thể dùng thủ đoạn bịp bợm được mãi và nhằm gây thanh thế cho tổ chức, cho nên, từ ngày 15-5-1986 đến 7-7-1987, Hoàng cơ Minh và đồng bọn đã liên lĩnh tổ chức ba cuộc xâm nhập từ căn cứ ở Thái Lan qua Lào vào Việt Nam.

Cuộc xâm nhập lần thứ nhất, Dương Văn Tử được Hoàng cơ Minh phong làm thiếu tướng, trực tiếp chỉ huy 51 tên, trong đó có quyết đoàn 7635 trước khi mất phát đổi phiên hiệu thành quyết đoàn 7773 do Nguyễn Trọng Hà làm quyết đoàn trưởng. Chúng mang theo các loại súng : AK, M 16, M 79, B-40, B-41 với đủ cỡ số đạn. Nhiệm vụ của bọn này là đến vùng Sĩa Bại - Kơ Tum - Việt Nam để lập mật khu, móc nối bọn phản động trong nước, ăn sát căn bọ, đánh phá các đơn biên phòng, các lùm nông trường, chặn đánh các xe vận tải trên các tuyến đường Tây Nguyên.

Ngày 15-5-1986, chúng xuất phát từ căn cứ ở Thái Lan, được sĩ quan Thái Lan dùng ô tô chở đến biên giới. Tiếp đó, được bọn Phi Lào dẫn đường để đi sâu vào đất Lào, rồi qua Campuchia vào Việt Nam. Trên đường xâm nhập, chúng đã tổ chức cướp phá tại 14 bản làng cuối Lào,

Campuchia, Việt Nam để lấy lương thực, thực phẩm, và ngoài ra, còn bắt, giết và đốt nhà dân thường trước khi rút lui. Ngày 12-9-1986, có 1 số tên vượt biên giới vào xã Ho Nay, huyện Sa Thầy tỉnh Gia Lai - Kon Tum; bị bộ đội biên phòng đến 637 phát hiện, tiến công và bắt sống. Sau đó, vị bộ đội Việt Nam cùng bộ đội Campuchia phối hợp truy bắt thêm 5 tên nữa. Số sống sót chạy sang rừng ở Lào, bị tan rã vì đói khát, bệnh hoạn rồi chết hoặc giết lẫn nhau.

Tuy cuộc xâm nhập lần thứ nhất không đem lại kết quả không tin tức; nhưng Hoàng cơ Minh vẫn tiếp tục tổ chức xâm nhập lần thứ hai, lấy tên "Sông Tiên II".

Ngày 1-12-1986, bắt đầu xâm nhập, do Hoàng cơ Minh, Nguyễn Huy, Trần Khánh trực tiếp chỉ huy, gồm có các quyết đoàn: 7684, 7686 và 7687, khoảng 150 tên. Nhưng vừa đến sông Mê Kông thì bị bộ đội Lào phối hợp với bộ đội tình nguyện Việt Nam chặn đánh, bọn chúng phải rút chạy về Thái Lan và tiếp tục chuẩn bị xâm nhập.

Đến ngày 7-7-1987, Hoàng cơ Minh quyết định xâm nhập một lần nữa, lấy tên là "Sông Tiên II" lần 2.

Từ ngày 7-7-1987 đến ngày 10-7-1987 được quân đội Thái Lan dùng ô tô chở đến bãi bãi Lào để được dân đường đi sâu vào đất Lào. Khi đến bờ sông Mê Kông gần biên giới Lào - Việt, bọn chúng bị bộ đội Lào cùng bộ đội Việt Nam truy kích 23 trận. Khi hết lương thực, Hoàng cơ Minh và đồng bọn đã nhiều lần tổ chức cướp bóc lúa, gạo và các thứ tài sản khác. Chúng còn bắt dân thường dân đường rồi giết chết. Khi không cướp được lương thực, chúng phải ăn quả rừng, rau rừng. Nhiều tên chịu không nổi đã bỏ trốn, ra hàng. Đặc biệt, có 14 tên đói kiệt sức hoặc bị thương đi không được đã bị giết bằng nhiều cách dã man như dùng dây xiết cổ rồi đem chết, dùng cuốc đập vào đầu, tiêm thuốc độc. Thậm chí khi chưa chết thì đem chôn sống. Số còn bị đói khát, bệnh tật. Và lực lượng xâm nhập "Sông Tiên II" lần 2 đã bị hoàn toàn tan rã vào ngày 28-8-1987.

Quân đội Lào - Việt đã bắt 77 tên, tiêu diệt trên 100 tên, thu nhiều vũ khí đạn dược, quân trang, quân dụng, phương tiện thông tin liên lạc cũng nhiều tài liệu quan trọng.

Kết những hoạt động nêu trên của Hoàng cơ Minh và đồng bọn đã được chứng minh bởi các tang vật đã thu giữ và lời khai của các bị cáo. Do đó, đã có đủ căn cứ kết luận : Hoàng cơ Minh là tên cầm đầu tổ chức phản cách mạng được bọn phản động kiểu chiến sỹ nuôi dưỡng, giết đây và đó diện; được bọn phản động cực hữu trong giới cầm quyền Thái Lan giúp đỡ, yểm trợ, tạo mọi điều kiện hoạt động nhằm lật đổ chính quyền cách mạng của nhân dân ta. Trên đường xâm nhập về Việt Nam, Hoàng cơ Minh và đồng bọn còn tiến hành nhiều vụ cướp phá, giết người một cách dã man. Hành vi vừa nêu của Hoàng cơ Minh và đồng bọn đã cấu thành tội phản bội Tổ quốc quy định tại điều 72 và tội hoạt động phi quy định tại điều 77 của Bộ luật hình sự.

Sở rằng thực chất của cái gọi là "BỘT ĐỔ CHÍNH QUYỀN" do Hoàng cơ Minh cầm đầu, là sản phẩm của chính sách gây rối và lật đổ của Mỹ trên thế giới và khu vực Đông Nam Á, sản phẩm thất bại của chúng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Những cách tập hợp, nuôi dưỡng và sử dụng lại những tàn tay sai của chúng trước kia ; bọn phản động kiểu chiến sỹ khuyến khích nhau nhau các tổ chức phản cách mạng ngay trên nước Mỹ chính một số nhân vật Mỹ đã công khai tiếp xúc, có vũ tổ chức phản cách mạng này.

Và bọn cực hữu trong giới cầm quyền Thái Lan là kẻ trực tiếp thực hiện ý đồ của quan thầy Mỹ ; ra sức yểm trợ một cách đắc lực về nhiều mặt cho Hoàng cơ Minh và đồng bọn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam - Lào - Campuchia.

Tổ chức phản cách mạng Hoàng cơ Minh mang đầy ảo vọng ngông cuồng và tham dục, đã bị tiêu diệt ngay trên đường chúng xâm nhập vào đất nước Việt Nam. Đây là chiến công to lớn, và thêm đó tình đoàn kết keo sơn giữa nhân dân và các lực lượng vũ trang ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, trong cuộc chiến đấu chống mọi kẻ thù chung, bảo vệ an ninh của ba nước.

Trong vụ án này, Hoàng cơ Minh là tên cầm đầu, bịp bợm; không những chỉ huy mọi hoạt động của đồng bọn nhằm lật đổ chính quyền nhân dân ta mà trong quá trình xâm nhập, còn là tên chủ mưu trong các vụ cướp phá, bắt bớ, giết chóc

đối với dân thường và thủ tiêu đồng bọn, bộc lộ rõ là
thổ phỉ khác màu, và đã bị tiêu diệt vào ngày 28-8-1987.

Trong số đồng phạm của Hoàng cơ Minh có 12 tên
bị truy tố trước phiên tòa hôm nay.

Kết vai trò và trách nhiệm hình sự đối với từng
tên như sau :

1) Kim My

Tháng 3/1982 vượt biên sang Thái Lan, bị bắt
đưa vào trại tập trung. Ngày 8-6-1982 gia nhập tổ chức
Hoàng cơ Minh. Đã được huấn luyện và làm nhiệm vụ xây
dựng, bảo vệ oanh cứ. Tháng 4/1984 làm toàn trưởng. Tháng
2/1986 vào Đảng Việt Tân. Tháng 12/1986 làm dân đoàn phó.
Đã cùng đồng bọn xâm nhập lần 1 và lần 2 "Đông Tiến II".
Với chức vụ dân đoàn phó, nhiều lần cùng đồng bọn đánh trả
lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Ngày
2-8-1987, trong một trận đánh, bị lạc với đồng bọn, tiếp
tục lần trốn, ngày 21-8-87 cùng đồng bọn vào rẫy lấy bắp
của dân, bị du kích Lào bắn chết một số, còn một mình bỏ
chạy đến ngày 26-8-1987 ra hàng và bị bắt.

2) Bành Nguyên Hùng (Bạch Dân)

Tháng 2/1982, vượt biên băng đường bộ qua
Campuchia sang Thái Lan, bị bắt đưa vào trại tập trung.
Tháng 6/1982 gia nhập tổ chức Hoàng cơ Minh. Được huấn
luyện, và làm các việc xây dựng, bảo vệ oanh cứ và bảo vệ
bọn chỉ huy đầu số giữa năm 1985 phụ trách dân đoàn. Năm
1984 làm toàn trưởng. Tháng 3/1987 vào đảng Việt Tân.
Tháng 11/1984 cùng đồng bọn xâm nhập đất Lào để mở đường
xâm nhập vào Việt Nam. Sau đó tham gia Đông Tiến II lần
1 và lần 2 với chức vụ toàn trưởng trực tiếp bảo vệ phục
vụ Nguyễn Huy. Nhiều lần tham gia đánh trả lực lượng truy
kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Ngày 20-8-1987,
trước nguy cơ tổ chức bị tan rã, đã lấy cắp 1 Radio, 1
Cassette, 2 lượng vàng của bọn chỉ huy đầu số trốn khỏi
tổ chức đến ngày 30-8-1987 bị kiệt sức nằm tại chỗ *chết*.

3) Phạm Ngọc Minh (Cánh)

Tháng 2/1984 đi bộ đội. Đang làm nhiệm vụ ở

Campuchia, tháng 5/1984 đảo ngũ trốn sang Thái Lan, bị bắt đưa vào trại tập trung. Tháng 8/1984 gia nhập tổ chức Hoàng cơ Minh. Tại căn cứ đã được huấn luyện, làm các việc xây dựng, bảo vệ căn cứ và phục vụ cho bạn chỉ huy. Tháng 8/1986 vào đảng Việt Tân. Tham gia xâm nhập lần 1 và lần 2 "Đông Tiến II". Nhiều lần cùng đồng bọn đánh trả lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Đặc biệt, đã trực tiếp bắt 1 em bé Lào mặc dù em này đã trốn được. Ngày 28-3-1988 bị bắt tại trận.

4) Lê Hoà Thuận :

Tháng 12/1980 đi bộ đội. Đang làm nhiệm vụ ở Campuchia, ngày 1-6-1984, đảo ngũ trốn sang Thái Lan, bị bắt đưa vào trại tập trung. Tháng 3/1984 gia nhập tổ chức Hoàng cơ Minh. Đã được huấn luyện, làm các nhiệm vụ tại căn cứ. Ngày 13-6-1986 vào đảng Việt Tân. Cùng đồng bọn xâm nhập vào Việt Nam hai lần "Đông Tiến II" lần 1 và lần 2. Nhiều lần tham gia đánh trả lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Ngày 24-3-87, trong khi cùng đồng bọn ngòi lạch tìm, gạn đồng bọn ăn vừa xong, thì bị nổ súng, bị thương và bị bắt.

5) Cao Hoàng Dũng (Trương Hùng Dũng)

Tháng 9/1978 đi bộ đội. Tháng 11/1982 xuất ngũ, giữ chức trung đội trưởng. Tháng 2/1983 đến tháng 7/1984 là nhân viên phòng thuế sở tại chánh Tiền Giang. Tháng 7/1984 đảo nhiệm trốn qua Campuchia, đến tháng 11/1984 trốn sang Thái Lan, bị bắt đưa vào trại tập trung. Ngày 19-12-1984 gia nhập tổ chức Hoàng cơ Minh. Đã được huấn luyện và làm các nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ căn cứ. Tháng 10/1986 vào Đảng Việt Tân. Tham gia xâm nhập hai lần vào Việt Nam ("Đông Tiến II" lần 1 và lần 2). Nhiều lần tham gia đánh trả lực lượng truy kích. Ngày 26-3-1987 trốn khỏi tổ chức và bị bắt.

6) Phạm Văn Hùng

Trước ngày giải phóng đi lính dân vệ. Tháng 11/1983, trong khi giữ nước oanh đờ thì bị cưỡng ép vượt biên sang Thái Lan, và bị bắt đưa vào trại tập trung. Ngày 29-

4-1985 gia nhập tổ chức Hoàng cơ Minh. Trong thời gian ở căn cứ đã được huấn luyện và làm thợ rèn cho tổ chức. Tháng 4/1986 làm toán trưởng. Tháng 6/1986 vào đảng Việt Tân. Đã tham gia xâm nhập lần 1 và lần 2 "Đông Tiến II". Nhiều lần cùng đồng bọn đánh trả lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Đặc biệt, đã cùng với Đỗ Bạch Thổ xiết cổ giết tên Nguyễn Văn Dũng, và cùng với tên Tân đem chôn sống tên Võ Văn Đức sau khi tên Đức đã bị đồng bọn đâm chửa chết. Ngày 12-8-1987 trốn khỏi tổ chức, ra hàng và bị bắt vào ngày 15-8-1987.

7) Nguyễn Phong :

Tháng 2/1982 đi bộ đội làm nhiệm vụ ở Campuchia, tháng 11/1982, đào ngũ, vượt biên sang Thái Lan, bị bắt đưa vào trại tập trung. Tháng 9/1983 gia nhập tổ chức Hoàng cơ Minh đã được huấn luyện và làm nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ căn cứ. Tháng 9/1985 vào Đảng Việt Tân. Tháng 12/1986 cùng đồng bọn xâm nhập qua Lào để thăm dò đường cho "Đông Tiến", nhưng bị chặn đánh phải quay trở lại. Là toán trưởng đơn đơn đặc nhiệm bảo vệ Hoàng cơ Minh. Tham gia xâm nhập lần 1 và lần 2 "Đông Tiến II". Nhiều lần cùng đồng bọn đánh trả lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Ngày 1-3-1987 trốn khỏi tổ chức, ra hàng và bị bắt.

8) Lý Văn Nghi :

Tháng 7/84 đang cùng con trai đi đánh cá, bị lính Pôn Pốt bắt đưa vào trại tập trung của Thái Lan. Ngày 27-7-1984, cùng con trai tham gia tổ chức Hoàng cơ Minh. Sau khi được huấn luyện làm nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ căn cứ. Ngày 20-5-85 trốn trại bị Hoàng cơ Minh xử tử hình, nhưng được Dương Văn Tư xin tha tội chết. Ngày 15-5-1986, cùng đồng bọn xâm nhập vào Việt Nam, phụ trách toán trưởng bảo vệ Dương Văn Tư. Đã nhiều lần cùng đồng bọn chống trả lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Ngày 12-9-86 đến địa phận tỉnh Gia Lai Kon Tum thì bị bắt.

9) Ngô Văn Sang (Nguyễn Văn Sang) :

Năm 1983 vượt biên sang Thái Lan, bị đưa vào trại tập trung. Tháng 3/1984 gia nhập tổ chức Hoàng cơ Minh. Đã được huấn luyện và làm nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ tại căn cứ. Tháng 4/1986 vào đảng Việt Tân. Tháng 9/1984 và đến

năm 1987 đã cùng đồng bọn xâm nhập vào Lào để mở đường xâm nhập về Việt Nam, nhưng bị thất bại phải quay trở lại. Sau đó tham gia xâm nhập lần 1 và lần 2 "Đông Tiến II". Trong quá trình xâm nhập, đã nhiều lần cùng đồng bọn đánh trả lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Ngày 9-8-1987 cùng với Lê đình Bảy trốn khỏi tổ chức với ý định mang vàng về Việt Nam tiêu xài, đến ngày 12-8-1987 thì bị bắt.

10) Nguyễn Văn út :

Tháng 9/1982 đi bộ đội. Ngày 24-3-1984, đang làm nhiệm vụ tại đảo Thổ Chu, Phú Quốc, thì vượt biên sang Thái Lan, bị bắt đưa vào trại tập trung. Ngày 30-7-1984 gia nhập tổ chức Hoàng cơ Minh. Đã được huấn luyện và làm các việc xây dựng, bảo vệ căn cứ. Ngày 16-7-1986 vào đảng Việt Tân. Hai lần tham gia xâm nhập vào Việt Nam ("Đông Tiến II" lần 1 và lần 2). Nhiều lần cùng đồng bọn đánh trả lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Ngày 26-8-1987 trốn khỏi tổ chức, đến ngày 22-8-1987 ra hàng và bị bắt.

11) Trần Văn Tấn :

Tháng 11/1983 vượt biên sang Thái Lan, bị bắt đưa vào trại tập trung. Ngày 26-2-1984 gia nhập tổ chức Hoàng cơ Minh. Đã được huấn luyện và làm các việc xây dựng, bảo vệ căn cứ. Hai lần tham gia xâm nhập vào Việt Nam ("Đông Tiến II" lần 1 và lần 2). Nhiều lần cùng đồng bọn đánh trả lại lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Ngày 18-8-1987 bị thương vẫn bám theo đồng bọn đến ngày 21-8-1987 trốn khỏi tổ chức và ra hàng bị bắt.

12) Lê Thanh Diệu :

Ngày 27-12-1984 vượt biên sang Thái Lan. Bị bắt đưa vào trại tập trung. Ngày 24-11-1985 tham gia tổ chức Hoàng cơ Minh. Đã được huấn luyện và làm các nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ căn cứ. Ngày 30-7-1985 vào đảng "Việt Tân". Hai lần cùng đồng bọn xâm nhập vào Việt Nam ("Đông Tiến II" lần 1 và lần 2). Nhiều lần tham gia đánh trả lực lượng truy kích và cướp phá tài sản của dân Lào. Ngày 2-8-1987 bị lực lượng truy kích nổ súng, cùng 1 số tên

trong đồng bọn chạy lạc vào rừng, và bị nổ súng một lần nữa thì lần trốn. Ngày 8-8-1987, vào làng, xin hàng và bị bắt.

Rõ ràng, Kim Hy là phần tử cốt cán, hoạt động đắc lực cho tổ chức, phải áp dụng khoản 1 điều 72 và khoản 1 điều 77 Bộ luật hình sự để xử phạt y. Tuy nhiên, xét bị cáo đã ra hàng, nhận thấy tội lỗi; vì vậy, nghĩ nên áp dụng điều 38 Bộ luật hình sự mà giảm hình phạt bị cáo sao cho thoả đáng.

Đối với các bị cáo là toán trưởng và toán viên. Có một số được tin cậy, hoạt động tích cực, trực tiếp gây tội ác, bám theo bọn chỉ huy chống trả lực lượng cách mạng cho đến ngày bị tiêu diệt và tan rã hoàn toàn. Đồng thời, cũng có một số hoạt động kém phần tích cực, không trực tiếp gây tội ác và đã ra hàng trước ngày Hoàng cơ Minh bị tiêu diệt. Hơn nữa, xét cho cùng thì những bị cáo là toán trưởng tuy cũng là cốt cán của tổ chức nhưng ở cơ sở nhỏ nhất, vai trò không quan trọng bằng các bị cáo từ đơn vị đơn vị phó trở lên. Còn các bị cáo là toán viên thì chủ yếu là kẻ thừa hành. Và lại, các bị cáo này đã nhận thấy tội lỗi, khai báo thành khẩn. Vì vậy, nghĩ nên áp dụng khoản 2 điều 72, khoản 2 điều 77 Bộ luật hình sự để xử phạt cho tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Đồng thời, áp dụng điều 38 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước ta.

Ngoài ra, căn cứ điều 100 khoản 2; các điều 30 và 31 Bộ luật hình sự, phạt quản chế đồng thời với việc tước một số quyền công dân cho tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo.

Vì các lý trên đây,

TÒA HÌNH SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

QUYẾT ĐỊNH :



Tuyên bố : Các bị cáo Kim My, Bình người Hàng (tức Bạch Văn), Nguyễn Phong, Phạm Ngọc Minh (tức Cảnh) Ngô Văn Sang (tức Nguyễn Văn Sang), Phùng Văn Mắc, Cao Hồng Dũng (tức Trương Hùng Dũng), Lê Thanh Diệu, Trần Văn Tâm, Nguyễn Văn út, Lê Hoà Thuận và Lý Văn Nghi đều phạm hai tội phản bội tổ quốc và hoạt động phi.

Áp dụng khoản 1, điều 72 ; khoản 1 điều 77 và các khoản 1, 2 và 3 điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt :

1) Kim My năm (5) năm tù về tội phản bội tổ quốc, ba (3) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Kim My phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tám (8) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 26-8-1987.


Áp dụng khoản 2 điều 72 khoản 2 điều 77 và các khoản 1, 2 và 3 điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt :

2) Bình người Hàng sáu (6) năm tù về tội phản bội tổ quốc, ba (3) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Bình phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là chín (9) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 30-8-1987.

3) Phùng Văn Mắc năm (5) năm tù về tội phản bội tổ quốc bốn (4) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Mắc phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là chín (9) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 15-8-1987.

4) Phạm Ngọc Minh sáu (6) năm tù về tội phản bội tổ quốc ba (3) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Minh phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là chín (9) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 28-8-1987.

5) Lê Hoà Thuận năm (5) năm tù về tội phản bội tổ quốc, ba (3) năm tù về tội hoạt động phi, Tổng hợp hình phạt bị cáo Thuận phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tám (8) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 26-8-1987.



6) Cao Hoàng Dũng năm (5) năm tù về tội phản bội tổ quốc. Hai (2) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Dũng phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là bảy (7) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 26-8-1987.

7) Ngô Văn Sang năm (5) năm tù về tội phản bội tổ quốc. Hai (2) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Sang phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là bảy (7) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 12-8-1987.


8) Lý Văn Nghi bốn (4) năm tù về tội phản bội tổ quốc hai (2) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Nghi phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là sáu (6) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 12-9-1986.

9) Nguyễn Phong bốn (4) năm tù về tội phản bội tổ quốc. Hai (2) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt bị cáo Phong phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là sáu (6) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 3-8-1987.

10) Nguyễn Văn Ứt bốn (4) năm tù về tội phản bội tổ quốc, một (1) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Ứt phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là năm (5) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 22-8-1987.

11) Trần Văn Tầm bốn (4) năm tù về tội phản bội tổ quốc, một (1) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Tầm phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là năm (5) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 31-8-1987.

12) Lê Thanh Diệu ba (3) năm tù về tội phản bội tổ quốc, một (1) năm tù về tội hoạt động phi. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Diệu phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là bốn (4) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 8-8-1987.



Căn cứ điều 100, điều 30 và điều 31 Bộ luật hình sự,

- Phạt quản chế đồng thời tước một số quyền công dân như : quyền bầu cử đại biểu các cơ quan quyền lực Nhà nước ; quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân; quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội đối với các bị cáo sau đây, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù, với thời hạn cụ thể như sau :

Thời hạn bốn (4) năm đối với các bị cáo : Kim Kỳ, Đinh người Hùng, Phùng Văn Kẹo, Phạm Ngọc Minh, Lê Hoà Thuận, Cao Hoàng Dũng, Ngô Văn Sang.

Thời hạn ba (3) năm đối với các bị cáo : Nguyễn Phong, Lý Văn Nghi, Nguyễn Văn Út, Trần Văn Tủa.

Thời hạn hai (2) năm đối với bị cáo :
Lê Thanh Diệu.

Mỗi bị cáo đều phải chịu án phí hình sự ba ngàn (3.000) đồng.

Bản án này là sơ thẩm đồng thời chung thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành ngay./-

Hội Thẩm nhân dân
(Đã ký)

- Viên Phương
- Võ Thị Thắng

Chủ tọa
(Đã ký)

Trần Thuận Sĩ

Nơi gửi :

- TANDTC Hà Nội
- VLSNDTC
- Bộ nội vụ
- VKSXXPT
- Trại giam PG 25
- Lưu (4)..-

Sao y bản chính :

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19/12/1988

Th. Tòa hình sự
TAND T. Hồ Chí Minh



Trần Thuận Sĩ